

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 2
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 172/2026/HNGĐ-ST

Ngày: 29-4-2026

V/v tranh chấp “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2- ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Thanh Phương

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Đoàn Lĩnh

Ông Đặng Bình Thủy

- Thư ký phiên tòa: Ông Lương Huỳnh Phúc Tài- Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 2- Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 2- Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Không tham gia.

Ngày 29 tháng 4 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 2- Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 96/2026/TLST-HNGD ngày 11 tháng 02 năm 2026 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 167/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 3 năm 2026 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: **Võ Minh T**, sinh năm 1970; CCCD 082070003653 (có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: ấp Q, xã L, tỉnh Đồng Tháp.

- Bị đơn: **Nguyễn Thị Thu T1**, sinh năm 1971; CCCD 082171003814 (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp Q, xã L, tỉnh Đồng Tháp.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai nguyên đơn anh Võ Minh T trình bày: Anh và chị Nguyễn Thị Thu Thủy C sống vợ chồng từ năm 1993, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện G, tỉnh Tiền Giang (nay là xã L, tỉnh Đồng Tháp) vào ngày 21/7/1993. Quá trình chung sống hạnh phúc đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do làm ăn thất bại, con bệnh, từ đó vợ chồng không còn tình cảm và đã ly thân nay đã 15 năm.

Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, nên yêu cầu được ly hôn với chị T1.

Về con chung: có 02 con chung tên Võ Minh T2 sinh năm 1996 (chết) và Võ Thị Thu T3 sinh năm 1994 (đã trưởng thành), không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Về tài sản chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Bị đơn chị Nguyễn Thị Thu T1 mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của anh T, đồng thời vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án tại Tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Anh Võ Minh T tranh chấp về việc ly hôn; bị đơn hiện cư trú tại xã L, tỉnh Đồng Tháp. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, thẩm quyền giải quyết vụ án là của Tòa án nhân dân Khu vực 2- Đồng Tháp.

[2] Anh Võ Minh T có đơn xin giải quyết, xét xử vắng mặt; chị Nguyễn Thị Thu T1 vắng mặt tại phiên tòa, mặc dù đã được triệu tập (tổng đạt) hợp lệ. Căn cứ khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt anh T, chị T1.

[3] Đối với yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy:

Hôn nhân giữa anh Võ Minh T và chị Nguyễn Thị Thu T1 là hôn nhân hợp pháp, có đăng ký và được Ủy ban nhân dân xã L, huyện G, tỉnh Tiền Giang (nay là xã L, tỉnh Đồng Tháp) vào ngày 21/7/1993. Hội đồng xét xử xét thấy, khi anh T có đơn xin ly hôn, Tòa án đã tổng đạt thông báo thụ lý vụ án hợp lệ nhưng chị T1 không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của anh T, các lần hòa giải và tại phiên tòa chị T1 vắng mặt không có lý do. Điều đó đã cho thấy chị T1 không còn quan tâm đến hôn nhân giữa anh chị. Quá trình giải quyết vụ án chị T1 không có ý kiến, không tham gia hòa giải cũng như tham dự phiên tòa nên không thể hàn gắn tình cảm vợ chồng được. Xét thấy tình cảm và đời sống chung của vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình, cần chấp nhận cho anh T ly hôn với chị T1.

[4] Về con chung: Có 02 con chung tên Võ Minh T2 sinh năm 1996 (chết) và Võ Thị Thu T3 sinh năm 1994 (đã trưởng thành), anh T không yêu cầu Hội đồng xét xử xem xét, do đó Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[5] Về tài sản chung: Anh T xác định không có, không yêu cầu Tòa án xem xét, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Về nợ chung: Anh Thư xác định không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án xem xét, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[7] Về án phí: Anh Thư phải chịu án phí theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228; Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

1. Chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh Võ Minh T. Anh Võ Minh T được ly hôn với chị Nguyễn Thị Thu T1.

2. Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Anh Võ Minh T phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn. Anh Thư đã nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tạm ứng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0014339 ngày 09/02/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp, nên xem như đã thi hành xong án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết. Để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử lại theo trình tự phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND Khu vực 2-Đồng Tháp;
- Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp;
- UBND xã Long Bình, tỉnh Đồng Tháp;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thanh Phương